TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2022
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Bửu Hòa
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Định Ph, xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh T (Vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh Trần Hiệp Ph, sinh năm: 1983; Địa chỉ: ấp Định Ph, xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2021 quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Vào năm 2017 chị với anh Trần Hiệp Ph có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới vào ngày 30/7/2019, sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với nhau không có hạnh phúc, nguyên nhân do chồng chị không lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình mà chỉ biết đi chơi, ăn nhậu về kiếm chuyện cự cải đánh đập chị nhiều lần, chị đã tha thứ và cho chồng chị nhiều cơ hội để sửa đổi tính tình, nhưng anh Ph không chịu thay đổi, thậm chí còn đánh cả cha mẹ ruột của chị, vì vậy chị không thể tha thứ

cho anh Ph nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hiệp Ph.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Hiệp L, sinh ngày 20/10/2018 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử anh Ph vắng mặt nên không có lời trình bày

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Trích lục kết hôn (bản sao); Trích lục khai sinh của cháu Trần Hiệp L (bản sao); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021 (bản pho to)

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp*: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh Trần Hiệp Ph không đến Tòa tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh Ph được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Trần Hiệp Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh Ph vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Ph.

2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Hiệp Ph có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới ngày 30/7/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh Ph không lo làm ăn để lo cuộc sống vợ con mà còn có hành vi bạo lực gia đình, chị L đã cho anh cơ hội nhưng anh không sửa đổi, cụ thể năm 2020 chị cũng đã nộp đơn xin ly hôn với anh Ph, nhưng chị muốn cho anh Ph cơ hội để sửa đổi nên chị đã rút đơn. Nay chị xác định chị không còn tình cảm gì với anh Ph nữa, và từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay anh Ph cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình về việc chị L yêu cầu ly hôn với anh. Như vậy giữa chị L và anh Ph không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bổn

phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống ra sao thì sống điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Ph đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Hiệp Ph

3. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hiệp L, sinh ngày 20/10/2018 theo như lời trình bày của chị L từ khi ly thân cho đến nay cháu L sống chung với chị nên tiếp tục giao cháu L cho chị L nuôi dưỡng, anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

5. *Về tài sản chung và nợ chung:* Quá trình tố tụng chị L khai không có. Do Tòa án không thể làm việc được với anh Ph nên không biết vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh Ph có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị L thì anh Ph được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị L.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L cho chị L được ly hôn với anh Trần Hiệp Ph.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Hiệp L, sinh ngày 20/10/2018 , anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L khai không có. Sau khi ly hôn anh Ph có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị L thì anh Ph được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị L.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002974 ngày 1 3/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh. Chị L đã nộp đủ án phí. Anh Trần Hiệp Ph không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Long Thới;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thạch Thị Thu Hiền